Đề trắc nghiệm Tiếng Anh Lớp 3 - My Family Members

Câu 1 **What is the correct word for 'mẹ' in English?**

A. father

B. mother

C. sister

D. brother

Câu 2 **How do you say 'bố' in English?**

A. mother

B. father

C. uncle

D. aunt

Câu 3 **Which word means 'anh trai'?**

A. sister

B. brother

C. father

D. mother

Câu 4 **Which word means 'chị gái'?**

A. brother

B. sister

C. aunt

D. uncle

Câu 5 **What is the English word for 'ông'?**

A. grandmother

B. grandfather

C. father

D. mother

Câu 6 **What is the English word for 'bà'?**

A. grandfather

B. grandmother

C. sister

D. brother

Câu 7 **Which word means 'em gái'?**

A. little brother

B. little sister

C. big sister

D. big brother

Câu 8 **Which word means 'em trai'?**

A. little sister

B. little brother

C. big brother

D. big sister

Câu 9 **What is the English word for 'cô, dì'?**

A. uncle

B. aunt

C. mother

D. sister

Câu 10 **What is the English word for 'chú, bác trai'?**

A. aunt

B. uncle

C. father

D. brother

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **baitracnghiem.app/tao-bai-trac-nghiem**

Luyện thêm cùng khóa học:

IELTS BREAKER: 89 bài từ vựng IELTS Speaking, học thử miễn phí, trọn bộ 199.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/ielts-breaker

Luyện nghe cơ bản (Basic level): 103 bài luyện nghe, học thử miễn phí, trọn bộ 99.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/luyen-nghe-basic-level-59

diemdanh.app